TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2025
V/v:"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T và ông Lê Xuân T.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh L – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Quách Thị V - Kiểm sát viên;

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa mở phiên tòa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2025/TLST – HNGĐ, ngày 17/10/2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hoàng Văn L, sinh năm 1993.
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Cốc Mặn, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.
Nơi ở hiện nay: Số 10 – 10 Sasao Nishi 4 – chome, làng Toin, quận Inbe, tỉnh Mie, Nhật Bản.
Số hộ chiếu: C7176944, cấp ngày 18/4/2019. Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Văn L để nhận và nộp thay các giấy tờ liên quan đối với Tòa án: Anh Nguyễn Văn Hà, sinh năm 2002.
Địa chỉ: Số 3, ngõ 115 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1996.
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Phòng 102, Tòa nhà Grand Chariot A, số 1 – 248, làng Fukuba, thành phố Kurayoshi, tỉnh Tottori, Nhật Bản.
Số hộ chiếu: C9524000, cấp ngày 06/5/2021. Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2025 của anh Hoàng Văn L là nguyên đơn và bản tự khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được hợp pháp hóa Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản thể hiện:

Về hôn nhân: Nguyên đơn Hoàng Văn L và bị đơn Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn(nay là xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 14/11/2016. Sau khi lấy nhau về, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 9/2019 anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không tin tưởng và không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng, mặc dù đã rất cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được, không khí gia đình rất nặng nề, tình yêu và tình nghĩa vợ chồng không còn. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình nhiều lần động viên, dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không có tiến triển. Tháng 7/2022 chị T cũng sang Nhật Bản xuất khẩu lao động, kể từ khi sang Nhật Bản anh L có trở về Việt Nam vào tháng 6/2024 và tháng 7/2024 anh L quay trở lại Nhật Bản để làm việc, chị T từ khi sang Nhật Bản đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, có níu kéo cũng chỉ đem lại đau khổ và tổn thương cho cả hai bên, vì vậy anh L đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là Hoàng Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 09/03/2017. Hiện nay cháu Kh đang ở với ông bà ngoại tại thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nay ly hôn, nguyên đơn Hoàng Văn L đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Hoàng Nguyễn Anh Kh cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung*:* Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đã được hợp pháp hóa Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bị đơn Nguyễn Thị T thừa nhận mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như anh L đã trình bày, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cải, mâu thuẫn với nhau, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống vợ chồng vẫn không có tiến triển tốt, hiện tại vợ chồng đang sinh sống và làm ăn tại Nhật Bản nhưng đã ly thân được 06 năm không còn ai quan tâm đến ai. Nay anh L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì chị cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh L vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc không thể níu kéo, hàn gắn được nữa.

Về con chung: Bị đơn thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như nguyên đơn trình bày, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 09/3/2017 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày 10/11/2025. UBND xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã xác nhận: Vợ chồng anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Cốc Mặn, xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn cũ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, hiện tại vợ chồng anh L, chị T đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; Quá trình sinh sống tại địa phương không thấy gia đình phản ánh mâu thuẫn, do anh L chị T không thường xuyên có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn Thị T như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được, thôn, xã cũng không được hòa giải mâu thuẫn tình cảm vợ chồng lần nào.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Về tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc ra bản án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51,56,57, 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, các Điều 271,273,278 BLTTDS 2015; khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Hoàng Văn L; Giao cháu Hoàng Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 09/3/2017 cho bị đơn Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh đến tuổi trưởng thành. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại chăm sóc con không ai được ngăn cản; Anh L phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Hoàng Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2.Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa; Hiện nay cả anh L và chị T đều đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.3.Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Nguyên đơn Hoàng Văn L và bị đơn Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Năm 2019 anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, không tin tưởng và không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng. Năm 2022 chị T cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng vợ chồng chưa từng gặp mặt nhau. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Hoàng Văn L và bị đơn Nguyễn Thị T đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hoàng Văn L là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Xét việc đề nghị yêu cầu nuôi con của bị đơn là nguyện vọng chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản ý kiến của cháu Hoàng Nguyễn Anh Kh có nguyện vọng được ở với chị T. Để đảm bảo các điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt của con, nên giao cháu Anh Kh cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, công nợ chung: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.4.Về án phí*:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Anh Hoàng Văn L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280; khoản 2 Điều 479 BLTTDS 2015; khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; các Điều 51,56,57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn L

- *Về hôn nhân*: Anh Hoàng Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 09/3/2017 cho bị đơn Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), do chị T không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được ngăn cản.

2.Về án phí và các vấn đề khác: Nguyên đơn Hoàng Văn L phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự - HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001841, ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Hoàng Văn L đã thi hành xong về phần án phí.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Anh L, chị T đều đang cư trú tại nước ngoài thì thời hạn kháng cáo bản án của Toà án là 01(một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND khu vực 10;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Văn phòng HĐND và UBND xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Sỹ H